

CD CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
NH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
Số: 106
Ngày: 18/02/2020
huyện: St. Thủy Văn
Lưu hồ sơ số: 1385

BÁO CÁO

Hiện trạng các tiêu chí nông thôn mới của thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ

I. Hiện trạng tiêu chí nông thôn mới của các thôn bản nằm trong Đề án 1385

1. Thực trạng các thôn bản trên địa bàn xã sau khi sáp nhập

Thực hiện Quyết định số 2590/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sắp xếp, sáp nhập thôn, khu phố thuộc các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Hướng Hóa. Huyện Hướng Hóa sau khi sáp nhập có 37 thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc 05 xã nằm trong đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ (trước khi sáp nhập là 49 thôn, bản), như xây giảm 12 thôn so với khi chưa sáp nhập. Cụ thể như sau:

Xã Ba Tầng: 07 thôn, xã A Dơi: 6 thôn, xã Hướng Lập: 05 thôn, xã Hướng Phùng: 13 thôn, xã Thanh: 06 thôn.

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí theo Quyết định số 3040/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND tỉnh

2.1. Nhóm tiêu chí Cơ sở hạ tầng: Gồm 06 tiêu chí: giao thông, thủy lợi, điện, cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư.

Nhìn chung mức độ đạt các tiêu chí về cơ sở hạ tầng còn rất khiêm tốn, một số tiêu chí có tỷ lệ đạt rất thấp như giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, cụ thể theo kết quả rà soát cuối năm 2019, trong 37 thôn thuộc Đề án, chỉ có 01 thôn đạt về tiêu chí giao thông, (chiếm 2,7%), có 11/37 thôn đạt tiêu chí về thông tin truyền thông (chiếm 29,7%). Nguyên nhân do các thôn đều là các thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng sâu vùng xa của huyện Hướng Hóa, giao thông đi lại còn khó khăn, đặc biệt là đường ra khu sản xuất có tỷ lệ đạt rất thấp, để đạt tiêu chí về giao thông phải đạt đồng thời cả 03 chỉ tiêu về đường trục thôn, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng nên rất khó để đạt về tiêu chí giao thông, đặc biệt là chỉ tiêu trục chính nội đồng, vì là vùng đặc biệt khó khăn, trục chính nội đồng nếu đầu tư tốn rất nhiều kinh phí và không khả thi.

Về tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa, chỉ tiêu “có hệ thống loa được kết nối với đài truyền thanh xã hoạt động tốt thường xuyên cung cấp thông tin đến người dân trong thôn” rất ít thôn đạt được, tiêu chí này nên sửa đổi cho phù hợp hơn với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, vì thông tin được cung cấp bởi rất nhiều kênh thông qua các phương tiện khác nhau, không chỉ qua hệ thống loa phát thanh của xã, mục đích cuối cùng là người dân vẫn được cung cấp thông tin thường

xuyên, kịp thời nên xã chủ động xây dựng bằng nhiều phương tiện khác nhau cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Trong năm 2019, tổng nguồn vốn Ngân sách đã hỗ trợ cho các thôn thuộc Đề án 1385 là 11.270 triệu đồng, toàn bộ nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình về đường giao thông nông thôn và đường ra khu sản xuất cho các thôn, bản, tỷ lệ giải ngân đạt 86,86%.

2.2. Nhóm tiêu chí về kinh tế và tổ chức sản xuất gồm 04 tiêu chí: thu nhập, hộ nghèo, lao động việc làm, tổ chức sản xuất.

- Theo kết quả rà soát, hiện tại chưa có thôn nào đạt về tiêu chí thu nhập (2019: 22 triệu đồng/người/năm), nhìn chung mức thu nhập bình quân trên địa bàn các thôn, bản còn thấp so với tiêu chuẩn nông thôn mới, xã cao nhất là Hướng Phùng đạt bình quân 18,5 triệu đồng/người/năm, các thôn còn lại dao động trong khoảng 7-10 triệu đồng/người/năm. (Theo số liệu báo cáo sơ bộ của các xã, chưa có tài liệu kiểm chứng).

Về tiêu chí hộ nghèo: có 5/37 thôn đạt về tiêu chí hộ nghèo (tỷ lệ hộ nghèo đa chiều $\leq 15\%$ (05 thôn đều thuộc xã Hướng Phùng), tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của 05 xã thuộc đề án bình quân là 37,15% (tổng số hộ nghèo của 5 xã là 1609 hộ, trong đó có 20 hộ nghèo bảo trợ xã hội/4297 tổng số hộ của 05 xã).

- Về tiêu chí lao động có việc làm: Số liệu rà soát đến cuối năm 2019, tỷ lệ lao động trong độ tuổi có việc làm của 5 xã thuộc Đề án từ 86 - 90%.

2.3. Nhóm tiêu chí về Xã hội - Văn hóa - Môi trường: gồm các tiêu chí giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường.

Trong các tiêu chí về Xã hội - Văn hóa - Môi trường thì tiêu chí môi trường không có thôn nào đạt (0%). Tiêu chí này có nhiều chỉ tiêu liên quan đến phong tục tập quán lâu đời, nét sinh hoạt văn hóa gắn liền với từng vùng miền, phải qua một thời gian dài mới cải thiện được như một số chỉ tiêu về nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh. Một số chỉ tiêu khó cải thiện do chịu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như các vấn đề về nước sạch, xử lý các chất thải sinh hoạt...trong khi các nguồn vốn đầu tư về các lĩnh vực này rất hạn hẹp và hầu như không có.

2.4. Nhóm tiêu chí về hệ thống chính trị gồm tiêu chí hệ thống chính trị, an ninh trật tự, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới.

Đa số các thôn đều đạt các tiêu chí này.

3. Hiện trạng các tiêu chí:

- | | |
|----------------------------------|---------|
| - Số thôn đạt từ 15-17 tiêu chí: | 0 |
| - Số thôn đạt từ 10-14 tiêu chí: | 13 thôn |
| - Số thôn đạt từ 5-9 tiêu chí: | 24 thôn |
| - Số thôn đạt dưới 5 tiêu chí: | 0 |

(Có biểu chi tiết đính kèm - PL01)

II. Kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới của các thôn bản

1. Kế hoạch thôn đạt chuẩn 2020

Năm 2020 phấn đấu có 8 thôn bản đạt chuẩn Nông thôn mới (*Hương Phùng 03, A Dơi 02, Ba Tầng 01, Thanh 01, Hương Lập 01*)
(*Có biểu chi tiết đính kèm - PL02*)

2. Một số thuận lợi khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của các ban ngành các cấp từ Tỉnh, huyện, xã. Sự đồng thuận, hưởng ứng và quyết tâm cao của người dân và Ban phát triển thôn, bản.

- Hệ thống chính trị ổn định, an ninh trật tự xã hội được đảm bảo, nhân dân có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất và tích cực tham gia công cuộc xây dựng NTM.

- Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM do Thủ tướng Chính phủ phát động đã có tác động đến sự quan tâm, hỗ trợ nguồn lực cao và động viên tinh thần của toàn xã hội đối với nông dân, nông thôn. Hệ thống thông tin tuyên truyền về NTM hoạt động phong phú, liên tục đã động viên rất tích cực, kịp thời đến phong trào xây dựng NTM.

- Nhận thức của cán bộ Đảng viên và người dân về xây dựng NTM đã có chuyển biến rõ nét. Xây dựng NTM đã trở thành phong trào rộng khắp trên toàn xã. Dân chủ cơ sở được nâng cao hơn, ý thức và trách nhiệm làm chủ của người dân từng bước được nâng cao. Qua đó đã phát huy được nhiều cách làm sáng tạo góp phần huy động được nhiều nguồn lực đóng góp cho xây dựng NTM.

- Bộ mặt địa phương được đổi mới, văn minh hơn, cơ sở hạ tầng thiết yếu được nâng cấp, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố, thu nhập và điều kiện sống của nhân dân được cải thiện và nâng cao. Công tác xóa đói giảm nghèo bền vững, chính sách đền ơn đáp nghĩa được thực hiện tốt, giáo dục đào tạo phát triển toàn diện. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng NTM ngày càng được nhân dân hưởng ứng tích cực, cảnh quan môi trường được sạch đẹp, trật tự xã hội được đảm bảo, quy chế dân chủ được phát huy, hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

2.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong quá trình chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cũng gặp không ít khó khăn, đó là:

- Đội ngũ cán bộ cấp xã còn thiếu, năng lực còn nhiều hạn chế. Một bộ phận nhỏ cán bộ, Đảng viên và nhân dân, ban đầu chưa nhận thức đúng về xây dựng NTM, nên có biểu hiện trông chờ vào nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước, công tác tuyên truyền, vận động gặp một số khó khăn, làm ảnh hưởng đến phong trào chung của địa phương.

- Kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và tự cung tự cấp là chủ yếu, phát triển không đồng đều, điều kiện kinh tế của nhân dân phát triển chậm nên khó khăn trong việc huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân để xây dựng các công trình phúc lợi.

- Nhận thức về chương trình MTQG xây dựng NTM ở một bộ phận cán bộ, nhân dân chưa rõ ràng dẫn đến việc phó thác cho cấp uỷ cũng như chính quyền tự chỉ đạo thực hiện.

- Công tác tập huấn, đào tạo đã được quan tâm; tuy nhiên chỉ dừng lại ở một số chức danh nhất định cấp xã.

- Nguồn thu ngân sách cấp xã hình như là không có, từ đó nguồn vốn đầu tư cho các hạ tầng cơ sở khó khăn, trong khi đó huy động sức đóng góp của nhân dân phải đảm bảo phù hợp với thu nhập và đời sống của dân nên rất khó vận động đóng góp xây dựng.

- Công tác an ninh trật tự được triển khai thực hiện thường xuyên nhưng do đặc điểm địa bàn ở vùng biên giới nên tình hình an ninh vẫn còn xuất hiện một số vụ việc khá phức tạp.

III. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chí

- Bên cạnh các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cần quan tâm bố trí các nguồn vốn thực hiện các tiêu chí khác như tiêu chí thu nhập, tiêu chí môi trường, y tế, giáo dục... để cuộc sống người dân vùng sâu vùng xa thực sự chuyển biến theo hướng tích cực.

- Nguồn vốn phân bổ cần phải tập trung, tránh dàn trải, cần ưu tiên cho các thôn đăng ký đạt chuẩn để đạt được mục tiêu đề ra.

- Tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo của Đảng, chính quyền và sự phối hợp của các tổ chức CT-XH đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của toàn thể nhân dân về xây dựng NTM, đề cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu.

- Giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động giảm dần lực lượng lao động trong nông nghiệp.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao, y tế và bảo vệ môi trường. Quản lý hiệu quả các trường học, y tế, các thiết chế văn hóa đã được đầu tư xây dựng.

IV. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với UBND tỉnh, BCĐ tỉnh

Do thời gian thực hiện đề án ngắn hạn (2018-2020). Trong khi đó, đến năm 2019 xã mới tổ chức đăng ký, rà soát và xây dựng đề án nên công tác tuyên truyền, thực hiện đề án còn chậm. Đề nghị UBND tỉnh, BCĐ tỉnh quan tâm, kéo dài thêm thời gian để thực hiện Đề án.

2. Đối với các sở ban, ngành

- Tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn các nội dung thực hiện chương trình xây dựng NTM ở các thôn bản đặc biệt khó khăn để địa phương thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

- Cần có chính sách mạnh, thiết thực về đào tạo việc làm nông thôn, đào tạo nghề gắn với việc làm, nhất là đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Ban Chỉ Đạo xây dựng NTM tỉnh, Văn phòng điều phối NTM tỉnh, Sở Kế hoạch - Đầu tư có chủ trương không áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế định hình cho các công trình đường giao thông. Vì các xã biên giới miền núi các công trình đường giao thông có độ dốc khá lớn.

Trên đây là báo cáo kết quả rà soát hiện trạng các tiêu chí nông thôn mới của thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn huyện Hướng Hóa./. b

Nơi nhận:

- Văn phòng ĐPNTM tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- BCĐ xây dựng NTM huyện;
- Chánh, các PVP, CV;
- Lưu: VT, NN.

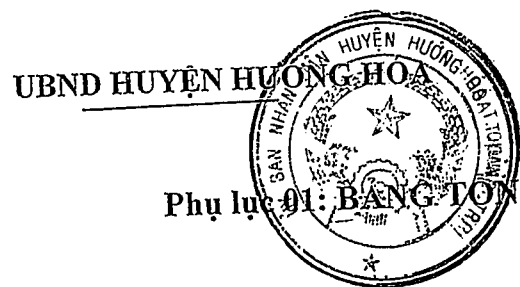
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *eq.*



Lê Quang Thuận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01: BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO ĐỀ ÁN 1385
(Số liệu rà soát tính đến 31/12/2019)

TT	Tên thôn	1. Giao thông	2. Thủy lợi	3. Điện	4. CSVC Văn hóa	5. Thông tin và truyền thông	6. Nhà ở dân cư	7. Thu nhập	8. Hộ nghèo	9. Lao động việc làm	10. Tổ chức sản xuất	11. Giáo dục	12. Y tế	13. Văn hóa	14. Môi trường	15. Hệ thống chính trị	16. An ninh trật tự	17. Chỉ đạo xây dựng NTM	Kết quả tiêu chí đạt	Chỉ tiêu đạt
I. Xã Hương Lập																				
1	A Xóc - Cha Lý			X	X					X				X		X	X	X	7	26
2	Cự - Cuôi			X						X				X		X	X	X	6	25
3	Sê Pu - Tà Păng		X	X	X					X			X	X		X	X	X	8	28
4	Tri		X	X						X			X	X		X	X	X	8	30
5	Cù Bai		X	X	X					X			X	X		X	X	X	9	31
II. Xã Hương Phùng																				
1	Hướng Hải		X			X			X	X	X	X	X	X		X	X	X	11	32
2	Cổ Nhồi		X	X		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	13	35
3	Phùng Lâm		X	X		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	13	33
4	Xa Ry		X	X		X			X	X	X	X	X	X		X	X	X	11	33
5	Đại Độ		X	X	X	X	X		X	X			X	X		X	X	X	14	36
6	Mã Lai Pun		X			X				X	X		X	X		X	X	X	9	25
7	Bụt Việt		X	X		X				X				X		X	X	X	10	31
8	Cheng		X	X	X		X			X				X		X	X	X	9	27
9	Chênh Vênh		X	X		X				X		X				X	X	X	8	31
10	Hướng Choa		X	X		X				X	X	X	X	X		X	X	X	8	33
11	Cọp		X	X	X	X				X	X	X	X	X		X	X	X	12	31
12	Doa Cũ		X	X		X				X	X	X	X	X		X	X	X	11	31
13	Hướng Phú		X	X			X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	12	35
III. Xã Ba Tầng																				
1	Ba Lòng		X	X	X					X				X		X	X	X	8	23
2	Ba Tầng		X	X						X				X		X	X	X	7	23
3	Loa		X	X						X				X		X	X	X	7	22
4	Mãng Sông		X	X	X					X				X		X	X	X	8	24

TT	Tên thôn	1. Giao thông	2. Thủy lợi	3. Điện	4. CSVC Văn hóa	5. Thông tin và truyền thông	6. Nhà ở dân cư	7. Thu nhập	8. Hộ nghèo	9. Lao động việc làm	10. Tổ chức sản xuất	11. Giáo dục	12. Y tế	13. Văn hóa	14. Môi trường	15. Hệ thống chính trị	16. An ninh trật tự	17. Chỉ đạo xây dựng NTM	Kết quả tiêu chí đạt	Chỉ tiêu đạt
			X	X	X					X				X		X	X	X	8	23
5	Vằng		X	X	X					X				X		X	X	X	8	22
6	Hùn		X	X	X					X				X		X	X	X	8	23
7	Trùm		X	X	X														0	
IV. Xã A Dơi														X		X	X	X	8	26
1	A Dơi Cồ			X	X		X			X				X		X	X	X	7	26
2	A Dơi Đố			X	X					X				X		X	X	X	8	26
3	Prin Thành			X	X		X			X				X		X	X	X	8	26
4	Xa Doan			X	X		X			X			X	X		X	X	X	10	28
5	Đồng Tâm		X	X	X		X			X				X		X	X	X	7	26
6	Proi Xy			X	X					X				X					0	
V. Xã Thanh												X	X	X		X	X	X	10	29
1	Ba Viêng	X	X	X	X					X		X	X	X		X	X	X	10	27
2	Thanh I		X	X	X					X		X	X	X		X	X	X	11	30
3	A Ho		X	X	X		X			X			X	X		X	X	X	9	27
4	Bản 10		X	X	X								X	X		X	X	X	8	23
5	Mới		X	X	X								X	X		X	X	X	8	23
6	Thanh Ô		X	X	X															
Tổng cộng		1	30	35	23	11	10	0	5	34	10	12	19	36	0	37	37	37	337	

Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC THÔN, BẢN ĐĂNG KÝ ĐẠT CHUẨN NĂM 2020

STT	Thôn, bản	Xã	Tiêu chí chưa đạt	Nội dung hỗ trợ
1	Hướng Phú	Hướng Phùng	5: Tiêu chí 1, 4, 5, 7, 14	
2	Đại Độ	Hướng Phùng	3: Tiêu chí 1, 7, 14	
3	Cổ Nhối	Hướng Phùng	4: Tiêu chí 1, 4, 7, 14	
4	Đồng Tâm	A Dơi	7: Tiêu chí 1,5,7,8,10,11,14	
5	Prin Thành	A Dơi	9: Tiêu chí 1,2,5,7,8,10,11,12,14	
6	Cù Bai	Hướng Lập	8: Tiêu chí 1, 5, 6, 7, 8, 10, 11, 14	
7	Trùm	Ba Tầng	9: Tiêu chí 1,5,6,7,8,10,11,12,14	
8	A Ho	Thanh	6: Tiêu chí 1,5,7,8,10,14	

Phụ lục 03: DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ CÁC THÔN BẢN NĂM 2020

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)			
				Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ	Dân góp	Nguồn vốn khác
				6.417	6.072	345	
1	Xã Hướng Phùng						
	Đường vào khu sản xuất thôn Hướng Phú	Thôn Hướng Phú	400m	464	440	24	
	Nâng cấp nhà văn hóa thôn Hướng Phú	Thôn Hướng Phú	200m ²	278	250	28	
	Đường vào khu sản xuất thôn Đại Độ	Thôn Đại Độ	1420 m	1.652	1.560	92	
	Đường liên thôn Hướng Hải - Mã Lai Pun	Hướng Hải - Mã Lai Pun	1450 m	2.040	1.938	102	
	Đường giao thông liên thôn Mã Lai Pun - Cheng	Mã Lai Pun - Cheng	600 m	1.020	969	51	
	Đường giao thông nội thôn Cheng	Cheng	700 m	963	915	48	
				5.625	5.350	275	
2	Xã A Dơi						
	Đường giao thông thôn Đồng Tâm	Thôn Đồng Tâm	2450 m	4.625	4.400	225	
	Đường giao thông thôn Prin Thành	Thôn Prin Thành	470 m	1.000	950	50	
				2.362,5	2.250	112,5	
3	Xã Ba Tầng						
	Đường ra khu sản xuất bản Bóc Kalong, thôn Ba Lòng,	Thôn Ba Lòng – xã Ba Tầng-	136,603 m	262,5	250	12,5	
	Đường nội thôn, thôn Ba Tầng, xã Ba Tầng	Thôn Ba Tầng	155.904 m	262,5	250	12,5	
	Nối tiếp đường sau trụ sở UBND ra khu sản xuất thôn Loa	Thôn Loa	136,603 m	262,5	250	12,5	
	Đường từ Km 30 + 100 tỉnh lộ Lìa ra khu sản xuất thôn Trùm, xã Ba Tầng	Thôn Trùm	136,603 m	262,5	250	12,5	
	Đường từ Km 31 + 500 tỉnh lộ Lìa ra khu sản xuất thôn Trùm	Thôn Trùm	136,603 m	262,5	250	12,5	
	Đường ra khu sản xuất bản Hùn dộc, thôn Hùn	Thôn Hùn	260 m	525,0	500	25	
	Đường ra khu sản xuất bản Vàng, thôn Vàng	Thôn Vàng	136,603 m	262,5	250	12,5	
	Đường ra khu sản xuất thôn Măng Sông	Thôn Măng Sông	136,603 m	262,5	250	12,5	
				2.630,8	2.500,0	130,8	
4	Xã Thanh						
	Đường giao thông liên thôn từ bản 10 đi A Ho	Bản 10-A Ho	1000 m	1000	950	50	
	Đường vào khu sản xuất A Ho -	A Ho	1000 m	1000	950	50	
	Đường vào khu sản xuất Ta Nua Cô	Ta Nua Cô	500 m	473	450	23	

TT	Danh mục đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)			
				Tổng kinh phí	Nhà nước hỗ trợ	Dân góp	Nguồn vốn khác
	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng bản 8	Bản 8	120 m2	52,6	50	2,6	
	Nâng cấp nhà sinh hoạt cộng đồng bản 10	Bản 10	120 m2	52,6	50	2,6	
	Nâng cấp nhà SHCD thôn A Ho	A Ho	120 m2	52,6	50	2,6	
				1.336	1.250	86	
5	Xã Hướng Lập			389	350	39	
	Đường vào khu sản xuất thôn Cù Bai	Thôn Cù Bai	200 m				
	Đường liên thôn Cù Bai - Sê Pu	Thôn Cù Bai	500 m	947	900	47	
				18.371,3	17.422,0	949,3	
	Tổng cộng						